

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành Quản trị nhân lực

(Ban hành theo Quyết định số: 1712/QĐ-ĐHLDXH ngày 03 tháng 8 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

Tên ngành đào tạo	: Quản trị nhân lực
Mã ngành	: 7340404
Hình thức đào tạo	: Chính qui tập trung
Trình độ đào tạo	: Đại học

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo này nhằm cung cấp đội ngũ cán bộ quản trị nhân lực ở trình độ đại học có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, thái độ để đảm đương các công việc về quản trị nhân lực, quản lý lao động trong cả phạm vi tổ chức, doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước về lao động cũng như một số cơ hội việc làm khác.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức

Kiến thức giáo dục đại cương: Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, kiến thức đại cương về toán học, pháp luật đại cương, thống kê toán, các nguyên lý cơ bản về kinh tế.

Kiến thức cơ sở ngành và ngành: Trang bị cho sinh viên kiến thức pháp luật đại cương, pháp luật trong chuyên ngành quản trị nhân lực, cách tra cứu, nghiên cứu để vận dụng các qui định pháp lý liên quan; kiến thức về tâm lý học, xã hội học, hành vi tổ chức trong phân tích tâm lý, hành vi của người lao động.

Kiến thức chuyên ngành: Trang bị cho sinh viên các lý thuyết, nguyên lý và cách thức để phân tích về dân số, nguồn nhân lực và sự biến đổi cung cầu trên thị trường lao động; cách cập nhật và phân tích các chính sách quốc gia, địa phương về lao động-việc làm; bản chất, vai trò, phương pháp, quy trình, thủ tục, trách nhiệm và cách thức triển khai các hoạt động của công tác quản trị nhân lực; cách thức phân tích, đánh giá hiện trạng công tác quản trị nhân lực trong các tổ chức; cách thức tham mưu cho lãnh đạo cấp trên trong công tác tổ chức bộ máy và xây dựng hệ thống chính sách về nhân lực.

Về kỹ năng

- Phân tích, đánh giá hiện trạng công tác quản trị nhân lực trong các tổ chức; tham mưu cho lãnh đạo cấp trên trong công tác tổ chức bộ máy và xây dựng chiến lược quản trị nguồn nhân lực, mô hình quản trị nhân lực, hệ thống chính sách về nhân lực trong tổ chức, các biểu mẫu, quy chế, quy trình.

- Thực hiện các nghiệp vụ trong chuyên ngành: Xây dựng nội quy lao động/ sổ tay lao động, các loại quy chế về nhân sự; thiết kế, phân tích công việc; tổ chức lao động, tổ chức ca, kíp; tổ chức nơi làm việc; tổ chức đội nhóm, định mức lao động; quản lý và đánh giá kết quả thực hiện công việc; thi đua, khen thưởng, kỷ luật; kế hoạch nhân lực; sử dụng nhân lực; quản lý thông tin nhân sự; công tác cán bộ; quản trị thù lao lao động; tiền lương, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm và các loại phúc lợi khác; tham gia giải quyết các chế độ, chính sách cho người lao động; tạo động lực lao động; đào tạo phát triển nhân lực; tuyển dụng; an toàn-vệ sinh lao động; đối thoại, trợ giúp và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quan hệ lao động.

- Phát hiện và giải quyết vấn đề trong quản trị nhân lực, tham mưu cho cấp trên trong đánh giá hiệu quả các hoạt động về quản trị nhân lực.

- Kỹ năng phỏng vấn, thuyết phục, động viên, khích lệ, giải quyết xung đột, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian, có khả năng làm việc độc lập đồng thời có kỹ năng làm việc nhóm và tổ chức làm việc nhóm.

- Kiểm tra, giám sát vấn đề thực thi pháp luật về lao động trong các tổ chức, đơn vị. Phân tích được tình hình dân số, nguồn nhân lực, theo dõi diễn biến và đánh giá được thị trường lao động làm căn cứ để tham mưu, đề xuất với cấp trên những ý kiến nhằm tăng cường quản lý nhà nước về lao động.

Trình độ ngoại ngữ và tin học

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo bậc đại học chuyên ngành Quản trị nhân lực sẽ có thể sử dụng tiếng Anh ở mức tương đương chuẩn TOEIC 400, có thể đọc và hiểu cơ bản các thuật ngữ, tài liệu và văn bản thuộc về chuyên ngành; có khả năng ứng tin học vào công tác chuyên môn, có thể sử dụng internet, MS Word, MS Excel, MS Access, MS PowerPoint và các phần mềm chuyên dùng trong quản trị nhân lực;

Về thái độ

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo bậc đại học chuyên ngành Quản trị nhân lực sẽ có những phẩm chất tích cực: Tôn trọng pháp luật, lối sống tích cực, có tinh thần hướng về tập thể; biết lắng nghe và quan tâm đến những người xung quanh; cầu thị, tự tin, điềm tĩnh, sáng tạo, có bản lĩnh; có trách nhiệm, gương mẫu và phong cách làm việc chuyên nghiệp; có lòng yêu nước, lý tưởng cộng sản, niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, bản lĩnh chính trị; có ý thức chấp hành các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Trợ lý nhân sự, tổng hợp nhân sự, tiền lương và các chính sách phúc lợi cho người lao động, quản lý thông tin nhân lực, tuyển dụng nhân lực, quản lý và đánh giá kết quả thực hiện công việc, công tác cán bộ,... tại Vụ Tổ chức cán bộ, phòng Tổ chức, ban Nhân sự, phòng Lao động - Tiền lương, phòng Tổ chức - hành chính, Văn phòng, phòng Tổng hợp...của các tổ chức, doanh nghiệp;

- Các vị trí việc làm liên quan đến chức năng chính của Trung tâm đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của các ngành.

- Vị trí việc làm của cán bộ, chuyên viên quản lý nhà nước về lao động các cấp (Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội, phòng Nội vụ, sở Lao động-Thương binh và Xã hội, sở Nội vụ, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ).

- Tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm tại các *Trung tâm dịch vụ việc làm, công ty cung ứng nhân lực, công ty xuất khẩu lao động*.

- Nghiên cứu, tư vấn, giảng viên giảng dạy về nhân sự tại các *Trường cao đẳng, đại học* về kinh tế và QTKD, QTNL, các viện nghiên cứu, học viện về Kinh tế Lao động, nguồn nhân lực, các *công ty tư vấn về nhân lực*.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 120 tín chỉ, không bao gồm 03 tín chỉ Giáo dục thể chất, 08 tín chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương

5. QUI TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quyết định số 1042/QĐ-ĐHLDXH ngày 05/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Lao động – Xã hội.

Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình trị học tập;

- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên;

- Thoả mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính; Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định của Trường;

- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;

- Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

6. THANG ĐIỂM

Điểm học phần

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

Điểm trung bình

- Mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số (thang điểm 4) như sau:

A+: 4,0 A : 3,7

B+: 3,5 B : 3,0

C+: 2,5 C : 2,0

D+: 1,5 D : 1,0

F+: 0,5 F : 0,0

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i : là điểm học phần thứ i

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần

7. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

*** Kiến thức giáo dục đại cương : 30 tín chỉ**

(không kể GDQP và GDTC)

- Kiến thức bắt buộc : 28 tín chỉ

- Kiến thức lựa chọn : 02 tín chỉ

*** Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp : 90 tín chỉ**

- Kiến thức cơ sở của khối ngành (bắt buộc) : 12 tín chỉ

- Kiến thức cơ sở ngành : 18 tín chỉ

. Kiến thức bắt buộc : 14 tín chỉ

. Kiến thức lựa chọn : 04 tín chỉ

- Kiến thức ngành : 50 tín chỉ

. Kiến thức bắt buộc : 42 tín chỉ

. Kiến thức lựa chọn : 08 tín chỉ

- Thực tập tốt nghiệp (bắt buộc) : 04 tín chỉ

- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế : 06 tín chỉ

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Ghi chú
I	Kiến thức giáo dục đại cương	30	
	Các học phần bắt buộc	28	
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	
3	Tư tưởng Hồ chí Minh	2	
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	
5	Tiếng Anh cơ bản 1	2	
6	Tiếng Anh cơ bản 2	3	
7	Tin học cơ bản 1	2	

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Ghi chú
8	Tin học cơ bản 2	2	
9	Toán cao cấp 1	2	
10	Toán cao cấp 2	2	
11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
12	Pháp luật đại cương	2	
13	<i>Giáo dục thể chất</i>	3	
14	<i>Giáo dục quốc phòng và an ninh</i>	8	
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 1/4 HP)</i>	2	
15	Soạn thảo văn bản	2	
16	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	
17	Logic học	2	
18	Tâm lý học đại cương	2	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90	
II.1	<i>Kiến thức cơ sở khối ngành</i>	12	
19	Kinh tế vi mô	3	
20	Kinh tế vĩ mô	3	
21	Nguyên lý thông kê	2	
22	Luật kinh tế	2	
23	Marketing căn bản	2	
II.2	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	18	
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	14	
24	Luật lao động	2	
25	Quản trị học	2	
26	Dân số và môi trường	2	
27	Nguồn nhân lực	2	
28	Thống kê lao động	2	
29	Tâm lý học lao động	2	
30	Hành vi tổ chức	2	
	<i>Các học phần tự chọn</i>	4	
	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>	2	
31	Nguyên lý kế toán 1	2	
32	Kinh tế lượng	2	
	<i>Chọn 1 trong 2</i>	2	
33	Kinh tế phát triển	2	
34	Ecgonômi	2	
II.3	Kiến thức ngành	50	
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	42	
35	Tổng quan Quản trị nhân lực	2	
36	Nguyên lý tiền lương	2	
37	Tổ chức bộ máy và phân tích công việc	2	
38	Tổ chức lao động	2	

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Ghi chú
39	Định mức lao động	3	
40	Hoạch định nhân lực	3	
41	Tuyển chọn và sử dụng nhân lực	3	
42	Quản trị thực hiện công việc	3	
43	Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	3	
44	Đào tạo nhân lực	3	
45	Bảo hộ lao động	2	
46	Nguyên lý quan hệ lao động	2	
47	Quan hệ lao động trong tổ chức	2	
48	Quản trị nhân lực trong khu vực công	2	
49	Thị trường lao động	2	
50	Tiền lương trong khu vực công	3	
51	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị nhân lực	3	
	Các học phần tự chọn	8	
	<i>Chọn 2 trong 4 HP</i>	4	
52	Quản lý nhà nước về lao động	2	
53	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	2	
54	Xã hội học lao động	2	
55	Quản trị doanh nghiệp	2	
	<i>Chọn 2 trong 4 HP</i>	4	
56	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lao động	2	
57	Tạo động lực lao động	2	
58	Xây dựng thang bảng lương	2	
59	Thanh tra lao động	2	
II.4	Thực tập, làm khóa luận	10	
60	Thực tập cuối khóa	4	
61	Khóa luận tốt nghiệp	6	
II.5	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6	
	Quản lý nhà nước về lao động	2	Sinh viên chọn 03 học phần chưa học
	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	2	
	Xã hội học lao động	2	
	Quản trị doanh nghiệp	2	
	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lao động	2	
	Tạo động lực lao động	2	
	Xây dựng thang bảng lương	2	
	Thanh tra lao động	2	
	Tổng cộng (Chưa tính GDTC và GDQPAN)	120	

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (dự kiến)

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
I	Kiến thức giáo dục đại cương	30								
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	28								
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	2							
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3			3					
3	Tư tưởng Hồ chí Minh	2					2			
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3		3						
5	Tiếng Anh cơ bản 1	2	2							
6	Tiếng Anh cơ bản 2	3		3						
7	Tin cơ bản 1	2	2							
8	Tin cơ bản 2	2		2						
9	Toán cao cấp 1	2	2							
10	Toán cao cấp 2	2	2							
11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		3						
12	Pháp luật đại cương	2		2						
13	<i>Giáo dục thể chất</i>	3	2	1						
14	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8	4	4						
	<i>Các học phần tự chọn</i>	2								
15	Soạn thảo văn bản	2		2						
16	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2								
17	Logic học	2								
18	Tâm lý học đại cương	2								
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90								
II.1	<i>Kiến thức cơ sở khối ngành</i>	12								
19	Kinh tế vi mô	3	3							
20	Kinh tế vĩ mô	3			3					
21	Nguyên lý thông kê	2				2				
22	Luật kinh tế	2			2					

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
23	Marketing căn bản	2				2				
II.2	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	18								
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	14								
24	Luật lao động	2					2			
25	Quản trị học	2			2					
26	Dân số và môi trường	2	2							
27	Nguồn nhân lực	2			2					
28	Thống kê lao động	2						2		
29	Tâm lý học lao động	2			2					
30	Hành vi tổ chức	2				2				
	<i>Các học phần tự chọn</i>	4								
	<i>Chọn 1 trong 2</i>	2								
31	Nguyên lý kế toán 1	2				2				
32	Kinh tế lượng	2								
	<i>Chọn 1 trong 2</i>	2								
33	Kinh tế phát triển	2				2				
34	Ecgonomi	2								
II.3	Kiến thức ngành	50								
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	42								
35	Tổng quan Quản trị nhân lực	2				2				
36	Nguyên lý tiền lương	2					2			
37	Tổ chức bộ máy và phân tích công việc	2			2					
38	Tổ chức lao động	2				2				
39	Định mức lao động	3					3			
40	Hoạch định nhân lực	3					3			
41	Tuyển chọn và sử dụng nhân lực	3					3			
42	Quản trị thực hiện công việc	3						3		
43	Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	3						3		
44	Đào tạo nhân lực	3						3		
45	Bảo hộ lao động	2						2		
46	Nguyên lý quan hệ lao động	2					2			

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
47	Quan hệ lao động trong tổ chức	2							2	
48	Quản trị nhân lực trong khu vực công	2							2	
49	Thị trường lao động	2						2		
50	Tiền lương trong khu vực công	3							3	
51	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị nhân lực	3				3				
	<i>Các học phần tự chọn</i>	8								
	<i>Chọn 2 trong 4</i>	4								
52	Quản lý nhà nước về lao động	2							4	
53	Nghịệp vụ bảo hiểm xã hội	2								
54	Xã hội học lao động	2								
55	Quản trị doanh nghiệp	2								
	<i>Chọn 2 trong 4</i>	4								
56	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lao động	2							4	
57	Tạo động lực lao động	2								
58	Xây dựng thang bảng lương	2								
59	Thanh tra lao động	2								
II.4	<i>Thực tập, làm khóa luận</i>	10								10
60	Thực tập cuối khóa	4								4
61	Khóa luận tốt nghiệp	6								6
II.5	<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	6								6
	Quản lý nhà nước về lao động	2								6
	Nghịệp vụ bảo hiểm xã hội	2								
	Xã hội học lao động	2								
	Quản trị doanh nghiệp	2								
	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lao động	2								
	Tạo động lực lao động	2								
	Xây dựng thang bảng lương	2								
	Thanh tra lao động	2								

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
	Tổng cộng	120	15	15	16	17	17	15	15	10

Học kỳ 1:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	15		
1	MLN10722H	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2		
2	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	2		
3	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	2		
4	TCC11122L	Toán cao cấp 1	2		
5	TCC21122L	Toán cao cấp 2	2		
6	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	3		
7	DSMT0222H	Dân số và môi trường	2		
8		Giáo dục thể chất	2		Thực hiện theo QĐ 1181/QĐ-ĐHLDXH ngày 14/7/2017
9		Giáo dục quốc phòng	4		Thực hiện theo QĐ 1133/QĐ-ĐHLDXH ngày 25/5/2018
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng (chưa tính GDTC và GDQPAN)	15		

Học kỳ 2:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	13		
1	ĐLCM0723H	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	ĐLCM0723H	
2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	3	TAC10622H	
3	TCB21222H	Tin cơ bản 2	2		
4	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		
5	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	2		
6		Giáo dục quốc phòng	4		Thực hiện theo QĐ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
					1133/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/5/2018
		Học phần tự chọn	2		
7		Giáo dục thể chất	1		Thực hiện theo QĐ 1181/QĐ-ĐHLĐXH ngày 14/7/2017
8	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	2		Chọn 2/8 TC
9	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2		
10	LOGI0722L	Logic học	2		
11	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	2		
		Tổng cộng (chưa tính GDTC và GDQPAN)	15		

Học kỳ 3:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	16		
1	MLN20723H	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	MLN10722H	
2	VİMO0523H	Kinh tế vĩ mô	3		
3	LKTE1022H	Luật kinh tế	2		
4	QTHO0522H	Quản trị học	2		
5	NNLU0222H	Nguồn nhân lực	2	DSMT0222H	
6	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	2		
7	TCBM0222H	Tổ chức bộ máy và phân tích công việc	2		
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng	16		

Học kỳ 4:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	13		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	2	TCC11122L, TCC21122L	
1	MARC0522H	Marketing căn bản	2		
2	HVTC0222H	Hành vi tổ chức	2	TLLĐ0322H	
3	TQQT0222L	Tổng quan Quản trị nhân lực	2		
4	TCLĐ0222H	Tổ chức lao động	2		
5	TAQT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị nhân lực	3	TAC20623H	
		Học phần tự chọn	4		
8	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	2		
9	KTLU1122H	Kinh tế lượng	2	ViMO0523H ViMO0523H TCB21222H TCC21122L XSTK1123L	Chọn 2/4 TC
10	KTPT0522H	Kinh tế phát triển	2		Chọn
11	EGNM0222H	Ecgonomi	2		2/4 TC
		Tổng cộng	17		

Học kỳ 5:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	16		
1	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	2	MLN10722H	
2	LLĐO1022H	Luật lao động	2		
3	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	2		
4	ĐMLĐ0223H	Định mức lao động	3	TCLĐ0222H	
5	HĐNL0223H	Hoạch định nhân lực	3		
6	TCNL0223H	Tuyển chọn và sử dụng nhân lực	3		
7	NLQH0222L	Nguyên lý quan hệ lao động	2		
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng	17		

Học kỳ 6:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	15		
1	TKLĐ1322H	Thống kê lao động	2	NLTK1322H	
2	QTCV0223H	Quản trị thực hiện công việc	3		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
3	QTLĐ0223H	Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	3		
4	ĐTNL0223H	Đào tạo nhân lực	3		
5	BHLĐ0222H	Bảo hộ lao động	2	TCLĐ0222H LLĐO1022H	
6	TRLĐ0222H	Thị trường lao động	2	NNLU0222H ViMO0523H	
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng	15		

Học kỳ 7:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	7		
1	QHTC0222H	Quan hệ lao động trong tổ chức	2	LLĐO1022H NLQH0222L	
2	QKVC0222H	Quản trị nhân lực trong khu vực công	2		
3	LKVC0223H	Tiền lương trong khu vực công	3	NLTL0222H	
		Học phần tự chọn	8		
4	QLNN0222L	Quản lý nhà nước về lao động	2	LLĐO1022H NNLU0222H	Chọn 4/8 TC
5	NVBH0422H	Nghị quyết bảo hiểm xã hội	2		
6	XHLĐ0322H	Xã hội học lao động	2		
7	QTDN0522H	Quản trị doanh nghiệp	2		
8	TNDN0222L	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lao động	2		Chọn 4/8 TC
9	ĐLLĐ0222H	Tạo động lực lao động	2		
10	XDBL0222H	Xây dựng thang bảng lương	2	QTLĐ0223H	
11	TTLĐ0222H	Thanh tra lao động	2	QTLĐ0223H	
		Tổng cộng	15		

Học kỳ 8:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
----	-------------	--------------	-------	-----------	---------

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
1	TTCK0224T	Thực tập cuối khóa	4		
2	KLTN0226T	Khóa luận tốt nghiệp	6		
<i>Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>					
3	QLNN0222L	Quản lý nhà nước về lao động	2	LLĐO1022H NNLU0222H	Chọn 03 HP chưa học
4	NVBH0422H	Nghiep vụ bảo hiểm xã hội	2		
5	XHLĐ0322H	Xã hội học lao động	2		
6	QTDN0522H	Quản trị doanh nghiệp	2		
7	TNDN0222L	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lao động	2		
8	ĐLLĐ0222H	Tạo động lực lao động	2		
9	XDBL0222H	Xây dựng thang bảng lương	2	QTLĐ0223H	
10	TTLĐ0222H	Thanh tra lao động	2	QTLĐ0223H BHLĐ0223H	
		Tổng cộng	10		

9. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN

9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Số tín chỉ: 02

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Số tín chỉ: 03

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 02

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.4. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 03

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

9.5. Tiếng Anh cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu; Trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

9.6. Tiếng Anh cơ bản 2

Số tín chỉ: 03

Cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ giữa A2 trở lên theo chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

9.7. Tin học cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở nhất để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel.

9.8. Tin học cơ bản 2

Số tín chỉ: 02

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về CSDL (Database), CSDL quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

9.9. Toán cao cấp 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector và các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector; Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ và cơ sở của không gian con R^n ; Ứng dụng của đại số tuyến tính trong phân tích mô hình cân bằng cung cầu, mô hình cân đối liên ngành.

9.10. Toán cao cấp 2

Số tín chỉ : 02 tín chỉ

Học phần gồm 3 chương, chứa đựng các kiến thức cơ bản cần thiết của giải tích và một số ứng dụng trong kinh tế: Dãy số giới hạn của dãy số; hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục; Đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số một biến số; Cực trị của hàm số một biến số; Ứng dụng của đạo hàm, tích phân trong phân tích kinh tế; Hàm số hai biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số; Hàm thuần nhất; Cực trị của hàm hai biến số; Ứng dụng của đạo hàm riêng, vi phân trong kinh tế học; Đạo hàm riêng cấp 2 và qui luật năng suất cận biên giảm dần; Hệ số co giãn; Hệ số thay thế.

9.11. Lý thuyết xác suất và Thống kê toán

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê toán. Học phần cũng giúp sinh viên giải quyết các bài tập xác suất và thống kê. Những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên học các môn học chuyên ngành về sau.

9.12. Pháp luật đại cương

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Pháp chế xã hội chủ nghĩa.

9.13. Giáo dục thể chất

Số tín chỉ: 03

Nội dung ban hành tại Quyết định số 1181/QĐ-ĐHLDXH ngày 14/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội

9.14. Giáo dục quốc phòng và an ninh

Số tín chỉ: 08

Nội dung ban hành tại Quyết định số 1133/QĐ-ĐHLDXH ngày 25/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội

9.15. Soạn thảo văn bản

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý luận chung về văn bản quản lý nhà nước; Kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt: Khái niệm, đặc điểm và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường.

9.16. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.

9.17. Logic học

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng và ý nghĩa của logic học; Khái niệm; Phán đoán; Các quy luật cơ bản của logic hình thức; Suy luận; Chứng minh và bác bỏ; Giả thuyết.

9.18. Tâm lý học đại cương

Số tín chỉ: 02

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

9.19. Kinh tế vi mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý thuyết cung cầu về hàng hóa và dịch vụ; Độ co giãn; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất; Các cấu trúc thị trường.

9.20. Kinh tế vĩ mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như GDP, GNP, giá cả, lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt hay thặng dư thương mại,...

9.21. Nguyên lý thống kê

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau: Những vấn đề chung của Thống kê học; Thu Thập dữ liệu Thống kê; Tổng hợp Thống kê; Nghiên cứu đặc điểm, bản chất của hiện tượng kinh tế - xã hội; Phân tích hiện tượng KT-XH theo thời gian; Phân tích biến động của hiện tượng KT-XH bằng phương pháp chỉ số.

9.22. Luật kinh tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Địa vị pháp lý các chủ thể kinh doanh; Pháp luật về cạnh tranh trong kinh doanh; Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh; Pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

9.23. Marketing căn bản

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng phát triển và ứng dụng của Marketing trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing; Đặc tính và hành vi của khách hàng, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường; Bốn công cụ chủ yếu trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chương trình marketing hỗn hợp.

9.24. Luật lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm 10 chương, tập trung vào 4 vấn đề chính sau: Những vấn đề cơ bản về luật lao động; Những vấn đề cơ bản về việc làm, học nghề, hợp đồng lao động, đối thoại tại nơi làm việc - thương lượng tập thể - thỏa ước lao động tập thể; Những vấn đề cơ bản về tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất, an toàn, vệ sinh lao động; Những vấn đề cơ bản về giải quyết tranh chấp lao động; thanh tra lao động, xử phạt vi phạm pháp luật lao động.

9.25. Quản trị học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về quản trị tổ chức; Các lý thuyết quản trị; Môi trường quản trị; Quyết định quản trị; Chức năng lập kế hoạch; Chức năng tổ chức; Chức năng lãnh đạo; Chức năng kiểm soát.

9.26. Dân số và môi trường

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Dân số môi trường là môn học nhằm giảng dạy và truyền thụ cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dân số và môi trường, bao gồm: quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số; Mức sinh, mức chết và các yếu tố ảnh hưởng đến mức sinh và mức chết; Di dân và đô thị hoá; Quan hệ giữa dân số với tài nguyên và môi trường tự nhiên; Giữa dân số với môi trường xã hội, môi trường kỹ thuật đô thị; Dự báo dân số, chính sách dân số, chính sách quản lý môi trường...

9.27. Nguồn nhân lực

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần bao gồm những kiến thức lý luận cơ bản về nguồn nhân lực như quy mô, cơ cấu, chất lượng nguồn nhân lực; đào tạo, phát triển, quản lý và sử dụng nguồn nhân lực ở bình diện vĩ mô.

9.28. Thống kê lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần bao gồm các nội dung chính sau: Những vấn đề cơ bản của môn học Thống kê lao động; Thống kê thị trường lao động; Thống kê số lượng lao động trong doanh nghiệp; Thống kê tình hình sử dụng thời gian lao động; Thống kê môi trường và điều kiện lao động; Thống kê năng suất lao động; Thống kê thu nhập của lao động từ doanh nghiệp..

9.29. Tâm lý học lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản của Hành vi tổ chức, về các đặc điểm, quy luật vận hành, thay đổi và các yếu tố chi phối thái độ, hành vi cá nhân trong tổ chức; Quá trình tương tác quy luật của sự tương tác giữa cá nhân - cá nhân, cá nhân - nhóm và cá nhân với tổ chức; Kiến thức cơ sở của hành vi cá nhân, cơ sở hành vi nhóm, đặc điểm vai trò của lãnh đạo và quyền lực; Cách thức vận hành và duy trì hiệu quả quá trình giao tiếp trong tổ chức.

9.30. Hành vi tổ chức

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản của Hành vi tổ chức, về các đặc điểm, quy luật vận hành, thay đổi và các yếu tố chi phối thái độ, hành vi cá nhân trong tổ chức; Quá trình tương tác quy luật của sự tương tác giữa cá nhân - cá nhân, cá nhân - nhóm và cá nhân với tổ chức; Kiến thức cơ sở của hành vi cá nhân, cơ sở hành vi nhóm, đặc điểm vai trò của lãnh đạo và quyền lực; Cách thức vận hành và duy trì hiệu quả quá trình giao tiếp trong tổ chức.

9.31. Nguyên lý kế toán 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán như khái niệm, bản chất, chức năng vai trò của kế toán, yêu cầu đối với thông tin kế toán, các nguyên tắc kế toán và phân loại đối tượng kế toán; Các phương tiện kế toán như Chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và hệ thống Báo cáo kế toán.

9.32. Kinh tế lượng

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp lượng hoá một mô hình kinh tế, hiểu cơ sở khoa học và kỹ thuật hồi quy đơn biến, đa biến; Giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong việc nghiên cứu và phân tích kinh tế.

9.33. Kinh tế phát triển

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng của môn Kinh tế phát triển; Lý luận phát triển và phát triển bền vững nền kinh tế; Các mô hình tăng trưởng kinh tế; Tính tất yếu và xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các mô hình

lý thuyết về xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế; Khía cạnh xã hội trong quá trình phát triển.

9.34. Ecgonomi

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về Công thái học trong lao động: Bản chất của Ecgonomi; Các cơ sở nghiên cứu yếu tố con người trong lao động, cũng như các nguyên tắc cơ bản của Ecgonomi.

9.35. Tổng quan quản trị nhân lực

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về quản trị nhân lực như bản chất, vai trò, chức năng của quản trị nhân lực; Các quan điểm, học thuyết của quản trị nhân lực; Các nghiệp vụ cơ bản của quản trị nhân lực; Mô hình quản trị nhân lực và chiến lược quản trị nhân lực.

9.36. Nguyên lý tiền lương

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản, chung nhất về tiền lương và các khoản thu nhập khác của người lao động phát sinh trong quan hệ lao động: Tiền lương tối thiểu, phụ cấp lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác phát sinh trong quan hệ lao động, cũng như các kiến thức về chế độ tiền lương và hình thức trả lương

9.37. Tổ chức bộ máy và phân tích công việc

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức bộ máy, phân tích và thiết kế công việc trong một tổ chức: Bản chất, vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến công tác tổ chức bộ máy, phân tích và thiết kế công việc trong một tổ chức; Các quan điểm, mô hình, học thuyết về tổ chức và cơ cấu tổ chức, các nội dung cơ bản của trong công tác tổ chức bộ máy, phân tích và thiết kế công việc trong một tổ chức...; Các kỹ năng thực hành nghiệp vụ về tổ chức bộ máy, phân tích và thiết kế công việc trong một tổ chức.

9.38. Tổ chức lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức lao động trong từng tập thể lao động cụ thể, như: Mục đích, ý nghĩa, nhiệm vụ và nguyên tắc của tổ chức lao động, những cơ sở phương pháp của tổ chức lao động trong doanh nghiệp, các quan điểm, mô hình, các nội dung cơ bản trong công tác tổ chức lao động....

9.39. Định mức lao động

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, phân loại, nội dung cơ bản của công tác định mức lao động trong doanh nghiệp, các phương pháp định mức lao động cơ bản, bước công việc và các bộ phận hợp thành, phân loại hao phí thời gian làm việc, chụp ảnh và bấm giờ, quản lý định mức lao động ở doanh nghiệp và các cấp quản lý nhà nước.

9.40. Hoạch định nhân lực

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần Hoạch định nhân lực gồm các nội dung: Tổng quan về hoạch định nhân lực, cơ sở và quy trình hoạch định nhân lực, phương pháp hoạch định cung, cầu nhân lực và cân đối cung cầu; Các kiến thức và kỹ năng hoạch định nhân lực hàng năm trong các doanh nghiệp.

9.41. Tuyển chọn và sử dụng nhân lực

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Quy trình tuyển dụng, phương pháp thu hút và sàng lọc ứng viên, vai trò của các cấp trong tuyển dụng nhân lực, xây dựng và hoàn thiện quy chế tuyển dụng; Cơ sở sử dụng nhân lực, tiến trình sử dụng nhân lực trong tổ chức, hiệu quả sử dụng nhân lực.

9.42. Quản trị thực hiện công việc

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức: Tổng quan về quản trị thực hiện công việc; Cơ sở quản trị thực hiện công việc; Phương pháp quản trị thực hiện công việc; Quy trình quản trị thực hiện công việc; Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá thực hiện công việc; Kỹ năng phản hồi thông tin.

9.43. Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp là học phần cung cấp những kiến thức như: bản chất, vai trò của quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp và các nhân tố ảnh hưởng; kết cấu của quản trị thù lao lao động. Học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng quản trị thù lao như quản trị tiền lương, tiền thưởng, quản trị các chương trình phúc lợi, các nội dung về quy chế trả lương trong doanh nghiệp.

9.44. Đào tạo nhân lực

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức như bản chất, vai trò, chức năng đào tạo nhân lực; Các quan điểm đào tạo nhân lực cũng như các nghiệp vụ cơ bản về đào tạo nhân lực; Các kiến thức và kỹ năng thực hiện các chương trình đào tạo nhân lực trong tổ chức.

9.45. Bảo hộ lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về Bảo hộ lao động; Hệ thống luật pháp và Quản lý nhà nước về Bảo hộ lao động; Vệ sinh lao động và các giải pháp cải thiện điều kiện lao động; An toàn lao động và các giải pháp phòng ngừa tai nạn lao động; Tổ chức thực hiện công tác BHLĐ trong các tổ chức/Doanh nghiệp.

9.46. Nguyên lý quan hệ lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát về quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường; Các chủ thể trong quan hệ lao động và thiết chế quan hệ lao động; Các cơ chế và thiết chế quan hệ lao động; Xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn lao động; Đối thoại và thương lượng trong quan hệ lao động; Tranh chấp lao động và đình công; Một số nội dung chính trong quan hệ lao động.

9.47. Quan hệ lao động trong tổ chức

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát về QHLD trong tổ chức; Công đoàn trong tổ chức; Tổ chức đối thoại trong QHLD; Thương lượng trong QHLD; Nội quy và chấp hành kỷ luật lao động; Một số quyền lợi cơ bản của người lao động; Xung đột và tranh chấp lao động.

9.48. Quản trị nhân lực trong khu vực công

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức nghiệp vụ cơ bản về quản trị nhân lực áp dụng phù hợp cho đặc thù khu vực công: Khái quát quản trị nhân lực trong khu vực công; Tổ chức bộ máy và Hoạch định nhân lực; Tuyển chọn và sử dụng nhân lực; Đào tạo và phát triển nhân lực; Quan hệ lao động.

9.49. Thị trường lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần bao gồm những kiến thức lý luận cơ bản về thị trường lao động như cung lao động, cầu lao động; tương tác cung - cầu trên thị trường lao động; Các kết quả của quá trình tương tác cung - cầu lao động; thông tin và thống kê thông tin thị trường lao động; Các dòng di chuyển của lao động trên thị trường lao động quốc tế; Hoạt động dịch vụ việc làm trên thị trường lao động; Những thông tin cơ bản về thị trường lao động và dịch vụ việc làm của Việt Nam.

9.50. Tiền lương trong khu vực công

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về tiền lương khu vực công, tiền lương tối thiểu, các chế độ phụ cấp lương, các hình thức trả lương có thể áp dụng đối với khu vực công và quản lý tiền lương, thu nhập trong khu vực công.

9.51. Tiếng Anh chuyên ngành quản trị nhân lực

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này bao quát các nội dung tiếng anh về những lĩnh vực quan trọng trong quản trị nhân lực như kỹ năng quản lý, tuyển dụng, hợp đồng lao động, bảo hộ lao động và tiền lương tiền thưởng..

9.52. Quản lý nhà nước về lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Một số vấn đề cơ bản về Quản lý Nhà nước về lao động; Các chính sách cơ bản về Quản lý Nhà nước về lao động; Bộ máy Quản lý Nhà nước về lao động.

9.53. Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm 3 chương, tập trung vào 3 vấn đề chính sau: Bảo hiểm ốm đau; Bảo hiểm thai sản; Bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

9.54. Xã hội học lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Cơ cấu lao động, thị trường lao động, phân công lao động, di chuyển lao động, việc làm và thất nghiệp,

quan hệ lao động,...; Các kiến thức của điều tra xã hội học lao động; Các kỹ thuật thu thập thông tin trong điều tra xã hội học lao động để tiến hành nghiên cứu, phân tích một số đề tài cụ thể liên quan đến lao động.

9.55. Quản trị doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức sau: Tổng quan về quản trị doanh nghiệp; Các loại hình doanh nghiệp; Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp; Quản trị sản xuất và công nghệ trong doanh nghiệp; Quản trị tiêu thụ trong doanh nghiệp; Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp; Quản trị tài chính trong doanh nghiệp.

9.56. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát chung về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp; Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và tiêu chuẩn lao động; Thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp.

9.57. Tạo động lực lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về bản chất, vai trò, các nhân tố ảnh hưởng tới động lực lao động và công tác tạo động lực lao động, các học thuyết liên quan tới động lực lao động cũng như các phương pháp tạo động lực lao động.

9.58. Xây dựng thang bảng lương

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên các phương pháp xây dựng thang bảng lương: Xây dựng thang bảng lương theo mức độ phức tạp công việc - điều kiện lao động và phương pháp xây dựng thang bảng lương theo giá trị công việc.

9.59. Thanh tra lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Tổng quan về hệ thống thanh tra ngành LĐ, TB-XH, đặc biệt là TTLĐ; Giới thiệu qui trình tiến hành một cuộc thanh tra LĐ theo qui định của pháp luật; Một số kỹ năng, nghiệp vụ cơ bản trong hoạt động thanh tra Lao động.

10. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	ThS. Đặng Thị Hồng Vi	Kinh tế chính trị
		ThS. Vũ Sĩ Đoàn	Kinh tế chính trị
		TS. Đoàn Thị Thu Hà	Kinh tế chính trị
		TS. Nguyễn Thị Giáng Hương	Triết học
		ThS. Phạm Khánh Ngọc	Kinh tế chính trị
		ThS. Nguyễn Thị Thu	Kinh tế chính trị
		TS. Huỳnh Thị Phương Trang	Triết học
		ThS. Hoàng Thị Thu Huyền	Triết học
2	Những nguyên lý cơ bản	ThS. Đỗ Thị Ngọc Ánh	Kinh tế chính trị

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
	của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	ThS. Vũ Sỹ Đoàn TS. Đoàn Thị Thu Hà TS. Đông Thị Hồng TS. Nguyễn Thị Giáng Hương TS. Vũ Thị Phương Mai ThS. Phạm Khánh Ngọc ThS. Đào Mai Phước ThS. Nguyễn Thị Thu TS. Phạm Thị Thủy ThS. Đặng Thị Hồng Vi TS. Huỳnh Thị Phương Trang ThS. Nguyễn Ngọc Diệp	Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Triết học Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Triết học Kinh tế học
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TS. Vũ Thị Phương Mai TS. Đoàn Thị Thu Hà TS. Nguyễn Thị Giáng Hương TS. Triệu Thị Trinh ThS. Nguyễn Thị Thu ThS. Nguyễn Đình Phong ThS. Trần Bá Hiệp ThS. Nguyễn Thị Hương	Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Triết học Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Triết học Chính trị học Lịch sử Đảng
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	TS. Phạm Thị Thủy TS. Triệu Thị Trinh TS. Đông Thị Hồng ThS. Đào Mai Phước ThS. Lê Hương Giang ThS. Nguyễn Thị Phúc ThS. Đỗ Thị Yên ThS. Đoàn Thanh Thủy ThS. Nguyễn Thị Hương ThS. Nguyễn Đình Phong ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Lịch sử Lịch sử Lịch sử Đảng Triết học Chủ nghĩa xã hội khoa học
5	Tiếng Anh cơ bản 1	TS. Phan Thị Mai Hương TS. Lê Anh Tuấn ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương ThS. Trương Thị Tuyết Hạnh ThS. Phạm Thị Hồng Hạnh ThS. Kiều Linh ThS. Đàm Lan Hương	Tiếng Anh Tiếng Anh Tiếng Anh Tiếng Anh Tiếng Anh Tiếng Anh Tiếng Anh
		ThS. Phạm Thị Liễu ThS. Lê Thị Thu Thủy	Tiếng Anh Tiếng Anh

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Ngô Bích Liên ThS. Nguyễn Sao Mai ThS. Phạm Hồng Nhung ThS. Nguyễn Nam Thắng ThS. Phạm Minh Tú ThS. Hoàng Hải Hậu ThS. Tạ Tường Vi TS. Huỳnh Hữu Nghĩa ThS. Lê Hữu Nhơn ThS. Phan Thanh Hải ThS. Nguyễn Phương Nam ThS. Lê Hùng Tú	CNTT Kinh tế CNTT CNTT CNTT CNTT CNTT CNTT CNTT CNTT CNTT QTKD
8	Tin học cơ bản 2	ThS. Nguyễn Hữu Bình TS. Nguyễn Thị Sinh Chi ThS. Bùi Thị Hồng Dung ThS. Nguyễn Thanh Huyền TS. Vũ Thị Tuyết Lan ThS. Ngô Bích Liên ThS. Nguyễn Sao Mai ThS. Phạm Hồng Nhung ThS. Nguyễn Nam Thắng ThS. Phạm Minh Tú ThS. Hoàng Hải Hậu ThS. Tạ Tường Vi TS. Huỳnh Hữu Nghĩa ThS. Lê Hữu Nhơn ThS. Phan Thanh Hải ThS. Nguyễn Phương Nam ThS. Lê Hùng Tú	CNTT CNTT CNTT CNTT CNTT CNTT Kinh tế CNTT CNTT CNTT CNTT CNTT CNTT CNTT CNTT CNTT QTKD
9	Toán cao cấp 1	TS. Nguyễn Thị Thu Hương TS. Nguyễn Thị Nga (65) ThS. Trần Thị Phong Thanh ThS. Đào Huy Toàn TS. Phạm Thị Tuyết Nhung TS. Ngô Thị Mai ThS. Nguyễn Thị Sơn ThS. Lê Thị Thùy Chinh TS. Phạm Thị Ninh ThS. Nguyễn Thị Nga (78) ThS. Chu Minh Hùng ThS. Nguyễn Thị Anh Thi	Toán Toán Toán Toán Toán Toán Toán Toán Toán Toán Toán Toán

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Tô Thị Thanh Hà ThS. Nguyễn Thị Kim Loan	Toán Toán
10	Toán cao cấp 2	TS. Nguyễn Thị Thu Hương TS. Nguyễn Thị Nga (65) ThS. Trần Thị Phong Thanh ThS. Đào Huy Toàn TS. Phạm Thị Tuyết Nhung TS. Ngô Thị Mai ThS. Nguyễn Thị Sơn ThS. Lê Thị Thùy Chinh TS. Phạm Thị Ninh ThS. Nguyễn Thị Nga (78) ThS. Chu Minh Hùng ThS. Nguyễn Thị Anh Thi ThS. Tô Thị Thanh Hà ThS. Nguyễn Thị Kim Loan	Toán Toán Toán Toán Toán Toán Toán Toán Toán Toán Toán Toán Toán Toán
11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TS. Nguyễn Thị Nga TS. Nguyễn Thị Thu Hương TS. Phạm Thị Tuyết Nhung ThS. Trần Thị Phong Thanh ThS. Nguyễn Thị Sơn ThS. Chu Minh Hùng ThS. Nguyễn Thị Anh Thi ThS. Tô Thị Thanh Hà ThS. Nguyễn Thị Kim Loan	Toán Toán Toán Toán Toán Toán Toán Toán Toán
12	Pháp luật đại cương	ThS. Trần Thị Lan Anh TS. Khuất Thị Thu Hiền TS. Đào Xuân Hội TS. Nguyễn Thanh Huyền ThS. Vũ Thị Thanh Huyền ThS. Vũ Thị Lan Hương TS. Trần Thị Mai Loan TS. Nguyễn Duy Phương ThS. Trần Đức Thắng TS. Trần Kiều Trang TS. Nguyễn Thị Tuyết Vân TS. Nguyễn Thị Hoa Tâm ThS. Lê Thị Toàn ThS. Lữ Thị Ngọc Diệp ThS. Nguyễn Đăng Phú ThS. Trịnh Thùy Linh	Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		Thượng tá Doãn Xuân Phi ThS. Trần Hoàng Anh CN. Nguyễn Văn Vui	Giáo dục quốc phòng - An ninh Giáo dục quốc phòng - An ninh Giáo dục quốc phòng - An ninh
15	Soạn thảo văn bản	TS. Lê Xuân Cử ThS. Đỗ Xuân Đán TS. Đào Xuân Hội ThS. Vũ Thị Thanh Huyền ThS. Vũ Thị Lan Hương CN. Đinh Thị Hường ThS. Đặng Thị Tố Uyên ThS. Hoàng Thị Biên ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy	Hành chính công Thư viện Luật Luật Luật Văn học Hành chính công Ngôn ngữ học Văn hóa
16	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	ThS. Đào Mai Phước TS. Nguyễn Thị Giáng Hương TS. Vũ Thị Phương Mai TS. Phạm Thị Thủy ThS. Hoàng Thị Thu Huyền ThS. Nguyễn Thị Hương ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc ThS. Trần Bá Hiệp	Kinh tế chính trị Triết học Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Triết học Lịch sử Đảng Chủ nghĩa xã hội khoa học Chính trị học
17	Logic học	ThS. Vũ Sĩ Đoàn ThS. Nguyễn Thị Thu ThS. Đặng Thị Hồng Vi ThS. Hoàng Thị Thu Huyền	Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Triết học
18	Tâm lý học đại cương	TS. Nguyễn Thị Hương TS. Tiêu Thị Minh Hường TS. Nguyễn Thị Hiền TS. Nguyễn Hữu Hùng ThS. Đỗ Thị An ThS. Lê Thị Thủy ThS. Vũ Thị Lụa ThS. Trương Thị Thúy Hòa	Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học
19	Kinh tế vi mô	ThS. Tô Thị Phượng ThS. Mai Thị Anh Đào ThS. Đỗ Thị Mỹ Trang ThS. Nguyễn Thị Vân Anh	QTKD QTKD QTKD QTKD
		ThS. Nguyễn Thị Phương Lan ThS. Trần Thị Kim Nhung	QTKD QTKD

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Trần Thị Hạnh ThS. Đào Thị Thu Hiền ThS. Triệu Linh Giang ThS. Tăng Anh Cường ThS. Hoàng Mạnh Cường TS. Hoàng Thanh Tùng ThS. Bùi Thị Hồng Nhung TS. Lương Xuân Dương TS. Doãn Thị Mai Hương TS. Nguyễn Xuân Hường ThS. Bùi Đức Lộc ThS. Đinh Quốc Tuyên TS. Nguyễn Văn Tuyên ThS. Hồ Trần Quốc Hải ThS. Bùi Thị Oanh	QTKD QTKD QTKD QTKD QTKD Kinh tế Quản trị nhân lực Kinh tế Kinh tế QTKD QTKD QTKD Kinh tế QTKD QTKD
20	Kinh tế vĩ mô	ThS. Tô Thị Phượng ThS. Mai Thị Anh Đào ThS. Đỗ Thị Mỹ Trang ThS. Nguyễn Thị Vân Anh ThS. Nguyễn Thị Phương Lan ThS. Trần Thị Kim Nhung ThS. Trần Thị Hạnh ThS. Đào Thị Thu Hiền ThS. Triệu Linh Giang ThS. Tăng Anh Cường ThS. Hoàng Mạnh Cường TS. Hoàng Thanh Tùng ThS. Bùi Thị Hồng Nhung TS. Lương Xuân Dương TS. Doãn Thị Mai Hương TS. Nguyễn Xuân Hường ThS. Bùi Đức Lộc ThS. Đinh Quốc Tuyên ThS. Lê Thị Minh Tuyên ThS. Trương Hoàng Chinh	QTKD QTKD QTKD QTKD QTKD QTKD QTKD QTKD QTKD QTKD QTKD Kinh tế Quản trị nhân lực Kinh tế Kinh tế QTKD QTKD QTKD Kinh tế Kinh tế
21	Nguyên lý thống kê	TS. Ngô Anh Cường TS. Phạm Ngọc Yến ThS. Đỗ Thu Hương ThS. Lê Thị Thu Trang ThS. Đỗ Thị Thúy ThS. Phạm Linh Giang	QTKD QTKD Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Lưu Thị Duyên Vũ Thị Thanh Tâm Trần Thị Thanh Thúy	Luật Thống kê Thống kê
22	Luật Kinh tế	ThS. Trần Thị Lan Anh TS. Khuất Thị Thu Hiền TS. Đào Xuân Hội TS. Nguyễn Thanh Huyền ThS. Vũ Thị Lan Hương TS. Nguyễn Duy Phương TS. Nguyễn Thị Tuyết Vân TS. Nguyễn Thị Hoa Tâm ThS. Lê Thị Toàn ThS. Lữ Thị Ngọc Diệp	Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật
23	Marketing căn bản	ThS. Phan Thành Hưng ThS. Nguyễn Thị Thu Hương ThS. Nguyễn Thị Thu Hà ThS. Nguyễn Đắc Mạnh ThS. Đinh Thị Mừng ThS. Hồ Trần Quốc Hải CN. Trần Thị Hoàng Ngân	QTKD QTKD QTKD QTKD QTKD QTKD QTKD
24	Luật lao động	TS. Khuất Thị Thu Hiền TS. Đào Xuân Hội ThS. Vũ Thị Thanh Huyền TS. Nguyễn Thanh Huyền TS. Trần Thị Mai Loan ThS. Trần Đức Thắng ThS. Trần Kiều Trang TS. Nguyễn Thị Tuyết Vân ThS. Nguyễn Thị Vân ThS. Nguyễn Thị Kim Quyên ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Phương	Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật
25	Quản trị học	ThS. PhạmThúy Vân ThS. Hà Thị Phương Thảo ThS. Nguyễn Thị Hường ThS. Phạm Tuấn Trung TS. NguyễnThị Anh Trâm ThS. Bùi Thị Oanh ThS. Lê Thị Út	QTKD QTKD QTKD QTKD QTKD QTKD QTKD
26	Dân số và môi trường	TS. Nguyễn Thị Minh Hoà TS. Bùi Thị Huế ThS. Nghiêm Thị Ngọc Bích	Kinh tế Kinh tế Kinh tế lao động

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Phan Thị Vinh ThS. Vũ Mạnh Thắng ThS. Nguyễn Kiên Cường TS. Đinh Kiêm ThS. Đoàn Thị Thủy ThS. Lê Thị Cẩm Trang	Quản trị NL Kinh tế lao động Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế lao động
27	Nguồn nhân lực	TS. Nguyễn Thị Minh Hoà TS. Bùi Thị Huế ThS. Nghiêm Thị Ngọc Bích ThS. Phan Thị Vinh ThS. Vũ Mạnh Thắng ThS. Đoàn Thị Thủy ThS. Lê Thị Cẩm Trang	Kinh tế Kinh tế Kinh tế lao động Quản trị NL Kinh tế lao động Kinh tế Kinh tế lao động
28	Thống kê lao động	TS. Ngô Anh Cường ThS. Đỗ Thu Hương ThS. Lê Thị Thu Trang TS. Phạm Ngọc Yến ThS. Phạm Linh Giang ThS. Đỗ Thị Thúy ThS. Lưu Thị Duyên ThS. Mai Xuân Toàn TS. Nguyễn Lê Anh ThS. Phạm Tấn Nhật	QTKD Kinh tế Kinh tế QTKD Kinh tế Kinh tế Luật Thống kê Thống kê Toán
29	Tâm lý học lao động	TS. Nguyễn Thị Hương TS. Tiêu Thị Minh Hường TS. Nguyễn Thị Hiền TS. Nguyễn Hữu Hùng ThS. Đỗ Thị An ThS. Lê Thị Thủy ThS. Hoàng Thị Thu Hoài ThS. Tào Quang Tiến	Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học
30	Hành vi tổ chức	TS. Phạm Ngọc Thành ThS. Hà Nam Phong ThS. Nguyễn Đức Chử ThS. Nguyễn Thị Tố Như ThS. Ngô Thị Mai ThS. Lê Thúy Hà ThS. Nguyễn Công Toại ThS. Đinh Thị Tâm ThS. Vũ Thúy Anh	QTNL QTNL Kinh tế lao động Luật Kinh tế lao động Kinh tế lao động QTKD Kinh tế phát triển Kinh tế học
31	Nguyên lý kế toán 1	TS. Phan Thị Thu Mai	Kinh tế

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga ThS. Vũ Thị Thê ThS. Trần Thị Thu Thủy ThS. Nguyễn Thị Nga TS. Hoàng Khánh Vân ThS. Nguyễn Văn Thụ ThS. Lê Thị Hương Trâm ThS. Phạm Thị Thanh Hòa ThS. Nguyễn Thị Thu Thảo ThS. Đặng Thị Thùy Giang ThS. Lê Ngọc Anh ThS. Bùi Hoàng Việt ThS. Hoàng Thị Tâm ThS. Dương Thị Nhung TS. Võ Thị Yên Hà	Kinh tế Kế toán Kế toán Kế toán tài chính Kinh tế Kế toán tài chính Kinh tế Kế toán tài chính Kế toán Kinh tế Kế toán Kế toán Kế toán tài chính Kế toán tài chính
32	Kinh tế lượng	TS. Nguyễn Thị Nga TS. Nguyễn Thị Thu Hương TS. Phạm Thị Tuyết Nhung ThS. Trần Thị Phong Thanh ThS. Nguyễn Thị Sơn TS. Nguyễn Lê Anh ThS. Mai Xuân Toàn	Toán Toán Toán Toán Toán Toán Toán
33	Kinh tế phát triển	ThS. Tô Thị Phượng ThS. Đỗ Thị Mỹ Trang ThS. Nguyễn Thị Vân Anh ThS. Nguyễn Thị Phương Lan ThS. Trần Thị Kim Nhung ThS. Đào Thị Thu Hiền ThS. Triệu Linh Giang ThS. Tăng Anh Cường ThS. Bùi Thị Hồng Nhung ThS. Lê Thị Minh Tuyền	QTKD QTKD QTKD QTKD QTKD QTKD QTKD QTKD Quản trị nhân lực Kinh tế
34	Ecgonomi	ThS. Ngô Kim Tú ThS. Lưu Thu Hường ThS. Bùi Đức Thịnh ThS. Nguyễn Viết Hồng ThS. Võ Thị Kim Hân ThS. Trần Minh Đạt	Bảo hộ lao động Bảo hộ lao động Kinh tế lao động QTKD Kỹ thuật quản lý môi trường Môi trường
35	Tổng quan Quản trị nhân lực	TS. Nguyễn Thị Hồng ThS. Đào Thị Thanh Trà	Kinh tế lao động Kinh tế lao động

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		TS. Vũ Hồng Phong ThS. Đào Phương Hiền ThS. Cấn Hữu Dạn ThS. Nguyễn Thị Thu Hà ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết ThS. Lê Quang Anh ThS. Lê Trung Hiếu ThS. Mai Thị khôi Linh ThS. Trần Thị Thảo ThS. Hoàng Thị Thương ThS. Đỗ Thị Tý ThS. Nguyễn Quỳnh Nga ThS. Phạm Văn Thiệu ThS. Nguyễn Lê Thanh Huyền ThS. Phan Thị Liệu	Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động QTKD QTNL Kinh tế Kinh tế lao động Kinh tế lao động QTKD QTNL Kinh tế học QTNL Kinh tế học
36	Nguyên lý tiền lương	TS. Đỗ Thị Tươi TS. Đoàn Thị Yến TS. Trần Thị Minh Phương ThS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung ThS. Vũ Thị Ánh Tuyết 83 ThS. Ngô Thị Hồng Nhung ThS. Trương Thị Tâm ThS. Vũ Thị Ánh Tuyết 80 ThS. Nguyễn Thị Hồng 88 ThS. Nguyễn Thị Hằng ThS. Lê Thúy Hằng ThS Trần Quốc Việt ThS Nguyễn Thị Thúy ThS Nguyễn Quốc Thắng ThS Nguyễn Văn Hiếu ThS Hoàng Thị Thương	Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Quản trị NL Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế Kinh tế QTKD QTKD QTKD Kinh tế học QTKD
37	Tổ chức bộ máy và phân tích công việc	TS. Nguyễn Thị Hồng ThS. Hà Duy Hào ThS. Vũ Phương Thảo ThS. Vũ Thanh Tuyền ThS. Nguyễn Viêt Hồng ThS. Đinh Thị Trâm ThS. Đàm Thị Thanh Dung ThS Đỗ Thị Tý ThS. Đinh Thị Tâm	Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động QTKD QTKD QTNL Kinh tế lao động QTKD Kinh tế phát triển

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS Vũ Thúy Anh	Kinh tế học
38	Tổ chức lao động	ThS. Hà Duy Hào ThS. Vũ Phương Thảo ThS. Vũ Thanh Tuyền ThS. Nguyễn Viết Hồng ThS. Đinh Thị Trâm ThS. Đàm Thị Thanh Dung ThS Vũ Thúy Anh ThS Đỗ Thị Tý	Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động QTKD QTNL Kinh tế lao động Kinh tế học QTKD
39	Định mức lao động	TS. Nguyễn Thị Hồng ThS. Hà Duy Hào ThS. Vũ Phương Thảo ThS. Vũ Thanh Tuyền ThS. Nguyễn Viết Hồng ThS. Đinh Thị Trâm ThS. Đàm Thị Thanh Dung ThS Đỗ Thị Tý ThS. Nguyễn Công Toại ThS Đinh Thị Tâm	Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động QTKD QTNL Kinh tế lao động QTKD QTKD Kinh tế phát triển
40	Hoạch định nhân lực	TS. Đỗ Thị Tươi TS. Đoàn Thị Yên TS. Trần Thị Minh Phương ThS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung ThS. Vũ Thị Ánh Tuyết 83 ThS. Ngô Thị Hồng Nhung ThS. Trương Thị Tâm ThS. Vũ Thị Ánh Tuyết 80 ThS. Nguyễn Thị Hồng 88 ThS. Nguyễn Thị Hằng ThS. Lê Thúy Hằng ThS Nguyễn Thị Thúy ThS Phạm Văn Thiệu ThS Phan Thị Liễu ThS. Nguyễn Lê Thanh Huyền ThS. Nguyễn Quỳnh Nga	Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động QTNL Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế Kinh tế Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động QTNL QTNL
41	Tuyển chọn và sử dụng nhân lực	TS. Nguyễn Thị Hồng ThS. Đào Thị Thanh Trà TS. Vũ Hồng Phong ThS. Đào Phương Hiên ThS. Cấn Hữu Dạn ThS. Nguyễn Thị Thu Hà	Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết ThS. Lê Quang Anh ThS. Lê Trung Hiếu ThS. Mai Thị khôi Linh ThS. Trần Thị Thảo ThS Phạm Văn Thiệu ThS Nguyễn Lê Thanh Huyền ThS Vũ Thúy Anh ThS Phan Thị Liệu ThS. Nguyễn Quỳnh Nga ThS Phạm Văn Thiệu	Kinh tế lao động Kinh tế lao động QTKD QTNL Kinh tế Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế học Kinh tế lao động QTNL Kinh tế lao động
42	Quản trị thực hiện công việc	TS. Nguyễn Thị Hồng ThS. Đào Thị Thanh Trà TS. Vũ Hồng Phong ThS. Đào Phương Hiền ThS. Cấn Hữu Dạn ThS. Nguyễn Thị Thu Hà ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết ThS. Lê Quang Anh ThS. Lê Trung Hiếu ThS. Mai Thị khôi Linh ThS. Trần Thị Thảo ThS Phạm Văn Thiệu ThS Nguyễn Lê Thanh Huyền ThS Phan Thị Liệu ThS. Nguyễn Quỳnh Nga ThS Trần Quốc Việt ThS Phạm Văn Thiệu	Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động QTKD QTNL Kinh tế Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động QTNL QTKD Kinh tế lao động
43	Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	TS. Đỗ Thị Tươi TS. Đoàn Thị Yên TS. Trần Thị Minh Phương ThS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung ThS. Vũ Thị Ánh Tuyết 83 ThS. Ngô Thị Hồng Nhung ThS. Trương Thị Tâm ThS. Vũ Thị Ánh Tuyết 80 ThS. Nguyễn Thị Hồng 88 ThS. Nguyễn Thị Hằng ThS. Lê Thúy Hằng	Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động QTNL Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế Kinh tế

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS Nguyễn Thị Thúy ThS Nguyễn Quốc Thắng ThS Nguyễn Văn Hiếu ThS Hoàng Thị Thương	QTKD QTKD Kinh tế học QTKD
44	Đào tạo nhân lực	TS. Nguyễn Thị Hồng ThS. Đào Thị Thanh Trà TS. Vũ Hồng Phong ThS. Đào Phương Hiền ThS. Cấn Hữu Dạn ThS. Nguyễn Thị Thu Hà ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết ThS. Lê Quang Anh ThS. Lê Trung Hiếu ThS. Mai Thị khôi Linh ThS. Trần Thị Thảo TS. Nguyễn Lê Anh ThS Phạm Văn Thiệu ThS Phan Thị Liệu ThS Nguyễn Lê Thanh Huyền ThS. Nguyễn Quỳnh Nga	Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động QTKD QTNL Kinh tế Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động QTNL
45	Bảo hộ lao động	ThS. Ngô Kim Tú ThS. Lưu Thu Hường ThS. Bùi Đức Thịnh ThS. Võ Thị Kim Hân ThS. Trần Minh Đạt	Kinh tế lao động QTKD Kinh tế Kỹ thuật quản lý môi trường Môi trường
46	Nguyên lý quan hệ lao động	TS. Phạm Ngọc Thành ThS. Hà Nam Phong ThS. Nguyễn Đức Chử ThS. Nguyễn Thị Tố Như ThS. Ngô Thị Mai ThS. Lê Thúy Hà ThS Nguyễn Quốc Thắng ThS. Châu Hoài Bảo	QTNL QTNL Kinh tế lao động Luật Kinh tế lao động Kinh tế lao động QTKD QTKD
47	Quan hệ lao động trong tổ chức	TS. Phạm Ngọc Thành ThS. Hà Nam Phong ThS. Nguyễn Đức Chử ThS. Nguyễn Thị Tố Như ThS. Ngô Thị Mai ThS. Lê Thúy Hà	QTNL QTNL Kinh tế lao động Luật Kinh tế lao động Kinh tế lao động

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS Nguyễn Quốc Thắng ThS. Châu Hoài Bảo	QTKD QTKD
48	Quản trị nhân lực trong khu vực công	TS. Nguyễn Thị Hồng	Kinh tế lao động
		ThS. Đào Thị Thanh Trà	Kinh tế lao động
		TS. Vũ Hồng Phong	Kinh tế lao động
		ThS. Đào Phương Hiền	Kinh tế lao động
		ThS. Cẩn Hữu Dạn	Kinh tế lao động
		ThS. Nguyễn Thị Thu Hà	Kinh tế lao động
		ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh	Kinh tế lao động
		ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Kinh tế lao động
		ThS. Lê Quang Anh	QTKD
		ThS. Lê Trung Hiếu	QTNL
		ThS. Mai Thị khôi Linh	Kinh tế
		ThS. Trần Thị Thảo	Kinh tế lao động
		TS. Nguyễn Lê Anh	Kinh tế lao động
		ThS Phạm Văn Thiệu	Kinh tế lao động
		ThS Phan Thị Liệu	Kinh tế lao động
		ThS Nguyễn Lê Thanh Huyền	Kinh tế lao động
		ThS. Nguyễn Quỳnh Nga	QTNL
49	Thị trường lao động	TS. Nguyễn Thị Minh Hòa	Kinh tế lao động
		TS. Bùi Thị Huế	Kinh tế
		ThS. Vũ Mạnh Thắng	QTNL
		ThS. Nghiêm Thị Ngọc Bích	Kinh tế lao động
		ThS. Vũ Mạnh Thắng	QTNL
		ThS. Phan Thị Vinh	QTNL
		TS Đinh Kiệm	Kinh tế lao động
		ThS Lê Thị Cẩm Trang	Kinh tế
		ThS. Văn Hữu Quang Nhật	QTKD
50	Tiền lương trong khu vực công	TS. Đỗ Thị Tươi	Kinh tế lao động
		TS. Đoàn Thị Yến	Kinh tế lao động
		TS. Trần Thị Minh Phương	Kinh tế lao động
		ThS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Kinh tế lao động
		ThS. Vũ Thị Ánh Tuyết 83	Kinh tế lao động
		ThS. Ngô Thị Hồng Nhung	Quản trị NL
		ThS. Trương Thị Tâm	Kinh tế lao động
		ThS. Vũ Thị Ánh Tuyết 80	Kinh tế lao động
		ThS. Nguyễn Thị Hồng 88	Kinh tế lao động
		ThS. Nguyễn Thị Hằng	Kinh tế
		ThS. Lê Thúy Hằng	Kinh tế
		ThS Nguyễn Quốc Thắng	QTKD
		ThS Nguyễn Văn Hiếu	Kinh tế học

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS Hoàng Thị Thương	QTKD
51	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị nhân lực	TS. Lê Anh Tuấn ThS. Trịnh Thị Thủy ThS. Kiều Linh ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương ThS. Phạm Thị Hồng Hạnh ThS. Phan Thị Thanh Tâm ThS. Cao Sơn Hùng Nguyễn Thị Thiên Phương Phan Thị Quỳnh Trang Nguyễn Tất Hiệp	Tiếng Anh Tiếng Anh Tiếng Anh Tiếng Anh Tiếng Anh Tiếng Anh Tiếng Anh Tiếng Anh Tiếng Anh Tiếng Anh
52	Quản lý nhà nước về lao động	TS. Nguyễn Thị Minh Hoà TS. Bùi Thị Huế ThS. Nghiêm Thị Ngọc Bích ThS. Phan Thị Vinh ThS. Vũ Mạnh Thắng ThS Đoàn Thị Thủy ThS Lê Thị Cẩm Trang	Kinh tế lao động Kinh tế Kinh tế lao động QTNL QTNL Kinh tế lao động Kinh tế
53	Nghệp vụ bảo hiểm xã hội	TS. Hoàng Bích Hồng TS. Phạm Đỗ Dũng TS. Phạm Hải Hưng ThS. Nguyễn Thị Vân Anh ThS. Trịnh Khánh Chi ThS. Hoàng Minh Tuấn ThS. Lê Thị Xuân Hương ThS. Vũ Thị Hồng Nết ThS. Bùi Thị Thu Hà ThS. Hà Thị Nhung ThS. Nguyễn Thị Vàn ThS. Trương Anh Tuấn ThS. Nguyễn Thị Hải Âu ThS. Nông Thị Luyện ThS. Lã Văn Đoàn ThS. Trịnh Thị Liên ThS. Phạm Thị Tường Vi ThS. Hoàng Võ Hằng Phương	Kinh tế bảo hiểm QTKD QTKD Kinh tế Kinh tế Kinh tế bảo hiểm Kinh tế Kinh tế Kinh tế CNTT Kinh tế phát triển Tài chính Tài chính QTKD Tài chính Tài chính Tài chính
54	Xã hội học lao động	TS. Đặng Thị Lan Anh TS. Chu Thị Huyền Yên ThS. Nguyễn Hồng Linh	Xã hội học Xã hội học Xã hội học
		TS. Nguyễn Thanh Huyền ThS. Tào Quang Tiến	Xã hội học Xã hội học

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Lê Hồng Ngọc Bích	Xã hội học
55	Quản trị doanh nghiệp	TS. Hoàng Thanh Tùng	Kinh tế
		TS. Nguyễn Thị Anh Trâm	QTKD
		ThS. Nguyễn Thị Hương	QTKD
		ThS. Hà Thị Phương Thảo	QTKD
		ThS. Phạm Thị Thủy Vân	QTKD
		ThS. Lê Thị Út	QTKD
		ThS. Trần Thị Hoàng Ngân	QTKD
56	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lao động	ThS. Hà Duy Hào	Kinh tế lao động
		ThS. Vũ Phương Thảo	Kinh tế lao động
		ThS. Vũ Thanh Tuyền	Kinh tế lao động
		ThS. Nguyễn Việt Hồng	QTKD
		ThS. Đinh Thị Trâm	QTNL
		ThS. Đàm Thị Thanh Dung	Kinh tế lao động
		TS Đinh Kiệm	Kinh tế lao động
		ThS Đoàn Thị Thủy	Kinh tế lao động
57	Tạo động lực lao động	TS. Nguyễn Thị Hồng	Kinh tế lao động
		ThS. Đào Thị Thanh Trà	Kinh tế lao động
		TS. Vũ Hồng Phong	Kinh tế lao động
		ThS. Đào Phương Hiền	Kinh tế lao động
		ThS. Cấn Hữu Dạn	Kinh tế lao động
		ThS. Nguyễn Thị Thu Hà	Kinh tế lao động
		ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh	Kinh tế lao động
		ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Kinh tế lao động
		ThS. Lê Quang Anh	QTKD
		ThS. Lê Trung Hiếu	QTNL
		ThS. Mai Thị khôi Linh	Kinh tế
		ThS. Trần Thị Thảo	Kinh tế lao động
		ThS Nguyễn Quốc Thắng	QTKD
		ThS. Châu Hoài Bảo	QTKD
		ThS Đinh Thị Tâm	Kinh tế phát triển
58	Xây dựng thang bảng lương	TS. Đỗ Thị Tươi	Kinh tế lao động
		TS. Đoàn Thị Yên	Kinh tế lao động
		TS. Trần Thị Minh Phương	Kinh tế lao động
		ThS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Kinh tế lao động
		ThS. Vũ Thị Ánh Tuyết 83	Kinh tế lao động
		ThS. Ngô Thị Hồng Nhung	Quản trị NL
		ThS. Trương Thị Tâm	Kinh tế lao động
		ThS. Vũ Thị Ánh Tuyết 80	Kinh tế lao động
		ThS. Nguyễn Thị Hồng 88	Kinh tế lao động
		ThS. Nguyễn Thị Hằng	Kinh tế

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Lê Thúy Hằng	Kinh tế
		ThS Trần Quốc Việt	QTKD
		ThS Nguyễn Quốc Thắng	QTKD
		ThS Hoàng Thị Thương	QTKD
		ThS Nguyễn Thị Thúy	QTKD
		ThS Nguyễn Văn Hiếu	Kinh tế học
59	Thanh tra lao động	ThS. Ngô Kim Tú ThS. Lưu Thu Hương ThS. Bùi Đức Thịnh ThS. Võ Thị Kim Hân ThS. Trần Minh Đạt	Kinh tế lao động QTKD Kinh tế Kỹ thuật quản lý môi trường Môi trường

11. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

11.1. Thiết bị phục vụ học tập

Trường đại học Lao động - Xã hội có 03 cơ sở đào tạo (tại Hà Nội, tại Sơn Tây và tại Thành phố Hồ Chí Minh) với tổng diện tích 10,6 ha. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ và nâng cấp hàng năm để đáp ứng đủ tiêu chuẩn của một cơ sở đào tạo đại học. Hiện nay tại 3 cơ sở trường có 155 phòng học lý thuyết với diện tích trung bình từ 80 đến 100m², 16 phòng thực hành các loại, 16 phòng máy tính với tổng số gần 700 máy tính được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ cho việc dạy và học.

Thiết bị phục vụ đào tạo

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
I.	Phòng máy tính			
1	Phòng máy tính E202.T2			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
1.1	Máy tính FPT	2015	41	
1.2	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
1.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
2	Phòng máy tính E302.T3			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
2.1	Máy tính FPT	2015	41	
2.2	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
2.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
3	Phòng máy tính E403			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng
3.1	Máy tính CMS	2013	41	
3.2	Máy chiếu	2013	1	

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
3.3	Amplý + loa + mic	2013	1	SPSS, ...
3.4	Điều hòa Daikin 12.000 BTU	2013	2	
3.5	Ổn áp lioa	2013	1	
4	Phòng máy tính E404			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
4.1	Máy tính CMS	2013	41	
4.2	Máy chiếu	2013	1	
4.3	Amplý + loa + mic	2013	1	
4.4	Điều hòa Daikin 12.000 BTU	2013	2	
4.5	Ổn áp lioa	2013	1	
5	Phòng máy tính E404.T4			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
5.1	Máy tính CMS	2013	41	
5.2	Máy chiếu 3M	2009	1	
5.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
6	Phòng máy tính E501			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
6.1	Máy tính CMS	2013	41	
6.2	Máy chiếu 3M	2009	1	
6.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
7	Phòng máy tính E502			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
7.1	Máy tính ĐNA	2006	16	
7.2	Máy tính FPT	2014	24	
7.3	Máy chiếu Hitachi	2014	1	
7.4	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
8	Phòng máy tính E503A			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
8.1	Máy tính ĐNA	2009	13	
8.2	Máy tính ĐNA	2010	10	
8.3	Máy tính ĐNA	2011	28	
8.4	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
8.5	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
9	Phòng máy tính E503B			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế
9.1	Máy tính ĐNA	2009	40	

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
9.2	Máy tính DNA	2006	1	lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
9.3	Máy chiếu Panasonic	2009	1	
9.4	Điều hòa Daikin	2003	1	
10	Phòng máy tính 401-B3			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
10.1	Máy tính TAC	2014	35	
10.2	Máy chiếu BenQ	2014	1	
10.3	Điều hòa Sanyo 12000 BTU	2014	2	
10.4	Loa + Mic Petech	2008	1	
11	Phòng máy tính 402-B3			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
11.1	Máy tính TAC	2015	40	
11.2	Điều hòa Panasonic 12.000 BTU	2015	2	
11.3	Điều hòa Sanyo 12000 BTU		1	
11.4	Loa + Mic Petech		1	
12	Phòng máy tính 403-B3			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
12.1	Máy tính TAC	2016	40	
12.2	Điều hòa Panasonic 12.000 BTU	2015	2	
12.3	Ổn áp lioa	2016	1	
13	Phòng máy tính 404-B3			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
13.1	Máy tính TAC	2016	40	
13.2	Điều hòa Panasonic 12.000 BTU	2016	2	
14	Phòng máy tính 405-B3			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
14.1	Máy tính TAC	2016	40	
14.2	Điều hòa Panasonic 12.000 BTU	2016	2	
14.3	Ổn áp lioa	2016	1	
II.	Phòng LAP			Tiếng anh Cơ bản; Tiếng Anh chuyên ngành; Thực hành TOEIC, ...
1	Phòng LAP E401			
1.1	Máy tính FPT	2013	36	
1.2	Tai nghe	2013	36	
1.3	Điều hòa Daikin	2003	1	
2	Phòng LAP E402			
1.1	Máy tính FPT	2013	36	
1.2	Tai nghe	2013	36	

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
1.3	Điều hòa Daikin	2003	1	
3	Phòng LAP 301-B3			
3.1	Máy tính TAC	2014	37	
3.2	Tai nghe	2014	37	
3.3	Điều hòa Toshiba 12.000 BTU	2014	1	
3.4	Ổn áp Lioa	2014	1	
4	Phòng LAP 302-B3			
4.1	Máy tính TAC	2015	36	
4.2	Tai nghe	2015	36	
4.3	Điều hòa Panasonic 12.000 BTU	2014	1	
4.4	Loa + Míc Petech	2008	1	
III.	Thiết bị phòng học			Các học phần còn lại
1	Amplý + loa + míc	2014	7	
2	Amplý + loa + míc	2013	33	
3	Amplý + loa + míc	2010	5	
4	Amplý + loa + míc	2009	10	
5	Amplý + loa + míc	2008	1	
6	Amplý + loa + míc	2007	1	
7	Amplý + loa + míc	2005	3	
8	Amplý + loa + míc	2003	7	
9	Máy tính giáo viên	2013	15	
10	Máy tính giáo viên	2009	2	
11	Máy tính giáo viên	2008	10	
12	Máy chiếu	2015	8	
13	Máy chiếu	2013	14	
14	Máy chiếu	2009	2	
15	Máy chiếu	2008	3	
16	Loa + Míc Petech	2008	8	
17	Loa + míc (2 míc)	2016	2	
18	Amplý + loa + míc (2 míc)	2017	21	
19	Máy tính giáo viên (Laptop)	2009	2	
20	Máy tính giáo viên (Laptop)	2011	8	
21	Máy chiếu	2009	5	

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
22	Máy chiếu	2015	2	
23	Máy chiếu	2007	5	

11.2. Thư viện

Thư viện tại 3 cơ sở có phòng đọc đảm bảo 1500 chỗ ngồi, với hơn 100.000 đầu sách và hàng trăm loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên.

Danh sách giáo trình, sách sử dụng cho học tập và nghiên cứu:

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2017
		Tài liệu hướng dẫn ôn tập Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin - Phần I	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Lao động xã hội	2016
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2012
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, (Dành cho sinh viên đại học cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và đào tạo	Chính trị quốc gia	2013
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2017
5	Tiếng Anh cơ bản 1	Clive Oxeden et.al. New English Files Pre-intermediate- Student book.	Oxford University Press		2004

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
6	Tiếng Anh cơ bản 2	www.oup.com/elt/englishfile/elementary.			
		Clive Oxeden et.al. New English Files Pre-intermediate - Workbook...	Oxford University Press		2004
		Clive Oxeden et.al. New English Files Pre-intermediate- Student book. www.oup.com/elt/englishfile/elementary.	Oxford University Press		2004
		Clive Oxeden et.al. New English Files Pre-intermediate - Workbook...	Oxford University Press		2004
7	Tin học cơ bản 1	Giáo trình Tin học cơ bản 1	Nguyễn Thị Sinh Chi	Lao động Xã hội	2014
8	Tin học cơ bản 2	Bài giảng Tin học cơ bản 2	Nguyễn Thị Sinh Chi	Lao động Xã hội	2010
		Bài tập Tin học cơ bản 2	Nguyễn Thanh Huyền, Bùi Thị Hồng Dung.		2017
9	Toán cao cấp 1	Toán cao cấp và ứng dụng trong kinh tế	Nguyễn Thị Nga	Dân Trí	2016
		Bài tập Toán cao cấp	Nguyễn Thị Nga	Dân Trí	2017
10	Toán cao cấp 2	Toán cao cấp và ứng dụng trong kinh tế	Nguyễn Thị Nga	Dân Trí	2016
		Bài tập Toán cao cấp	Nguyễn Thị Nga	Dân Trí	2017
11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Bài giảng Lý thuyết xác suất thống kê toán	Nguyễn Thu Hương	Lao động Xã hội	2009
		Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê	Trần Thị Phong Thanh	Lao động Xã hội	2010
12	Pháp luật đại cương	Tập bài giảng Pháp luật đại cương	Trần Thu Thủy và Đào Xuân Hội	Lao động Xã hội	2011
		Bộ câu hỏi và bài tập Pháp luật đại cương	Nguyễn Thị Tuyết Vân	Lao động Xã hội	2009
13	Giáo dục thể chất	Thực hiện theo QĐ 1181/QĐ-ĐHLĐXH ngày 14/7/2017			

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
14	Giáo dục quốc phòng	Thực hiện theo QĐ 1133/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/5/2018			
15	Soạn thảo văn bản	Giáo trình Soạn thảo văn bản	Phạm Hải Hưng	Lao động Xã hội	2011
		Bộ văn bản mẫu và bài tập soạn thảo văn bản	Phạm Hải Hưng	Lao động Xã hội	2011
16	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Giáo dục Việt Nam, Hà Nam.	2012
17	Logic học	Logic học đại cương	Nguyễn Như Hải	Giáo dục	2009
18	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	ĐHQG HN	2010
		Tâm lý học đại cương	Lý Thị Hàm	Lao động Xã hội	2010
19	Kinh tế vi mô	Bài giảng Nguyên lý Kinh tế vi mô	Lương Xuân Dương và Trần Văn Hòe	Lao động xã hội	2012
		Bài tập Kinh tế vi mô	Lương Xuân Dương	Lao động Xã hội	2012
20	Kinh tế vĩ mô	Giáo trình nguyên lý Kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Công	NXB Lao động	2012
		Giáo trình kinh tế vĩ mô	Hoàng Thanh Tùng, Lương Xuân Dương		2018
		Bài tập kinh tế vĩ mô	Lương Xuân Dương	Lao động Xã hội	2012
21	Nguyên lý thống kê	Giáo trình nguyên lý thống kê	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Lao động Xã hội	2015
22	Luật Kinh tế	Đề cương chi tiết môn Luật kinh tế	Khoa Luật, Trường Đại học Lao động – Xã hội		2018
		Bộ câu hỏi và bài tập Luật kinh tế	Nguyễn Thị Tuyết Vân	Lao động Xã hội	2010
23	Marketing căn bản	Marketing Căn bản	Trần Minh Đạo	Đại học Kinh tế Quốc dân	2015
		Marketing Căn bản	Phillip Kotler	Lao động	2007

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
				Xã hội	
		Nguyên lý tiếp thị	Philip Kotler và Gary Armstrong	Lao động xã hội	2012
24	Luật lao động	Giáo trình Luật lao động	Khuất Thị Thu Hiền	Lao động Xã hội	2015
		Bộ câu hỏi và bài tập Luật lao động	Khuất Thị Thu Hiền	Lao động Xã hội	2015
25	Quản trị học	Giáo trình Quản trị học	Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Tài chính	2011
		Quản lý học	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Kinh tế quốc dân	2012
26	Dân số và môi trường	Giáo trình Dân số môi trường.	Trịnh Khắc Thâm, Nguyễn Thị Minh Hòa	Lao động Xã hội	2015
		Giáo trình Dân số phát triển	Nguyễn Nam Phương	ĐH Kinh tế quốc dân	2011
		999 cách gây ấn tượng ban đầu trong giao tiếp	Tôn Khánh Hòa	Lao Động	2001
27	Nguồn nhân lực	Giáo trình Nguồn nhân lực	Nguyễn Tiệp	Lao động Xã hội	2008
		Sách Lao động- Việc làm	Tổng cục Thống kê hàng năm		
28	Thống kê lao động	Giáo trình Thống kê lao động	Bùi Tôn Hiền và Đỗ Thu Hương	Lao động Xã hội	2018
29	Tâm lý học lao động	Giáo trình Tâm lý học lao động	Lê Thị Dung	Lao động Xã hội	2009
		Tâm lý học lao động	Đào Thị Oanh	Đại học quốc gia Hà Nội	2008
		Giáo trình Tâm lý học quản lý	Vũ Dũng	Đại học sư phạm	2006
		Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	ĐHQG HN	2007
		Tâm lý học lao động	Võ Hưng, Phạm Thị Bích Ngân	Đại học Quốc Gia TPHCM	2007
30	Hành vi tổ chức	Giáo trình Hành vi tổ chức	Bùi Anh Tuấn	Đại học Kinh tế quốc dân	2013

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		Giáo trình quản trị nhân lực (tập 1, tập 2),	Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		Tâm lý học cá nhân (Tập 1, 2)	A.G.Covaliov	Giáo dục	1971
		Giáo trình Tâm lý học quản lý	Vũ Dũng	Đại học Sư phạm	2009
		Management of Organizational behavior	Paul Hersey	Thống kê	2004
31	Kinh tế phát triển	Giáo trình Kinh tế phát triển.	Lương Xuân Dương	Lao động xã hội	2011
		Bài tập Kinh tế phát triển	Lương Xuân Dương	Lao động xã hội	2010
32	Kinh tế lượng	Giáo trình Kinh tế lượng	Nguyễn Quang Dong và Nguyễn Thị Minh	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012
		Basic Econometrics-Fourth Edition, McGraw-Hill Inc	Damodar N. Gujarati		2004
33	Nguyên lý kế toán 1	Giáo trình Nguyên lý kế toán	Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2010
		Bài tập Nguyên lý kế toán 1	Phan Thị Thu Mai		2018
34	Ecgonomi	Ecgonomi trong thiết kế và sản xuất	Nguyễn Bạch Ngọc	Giáo dục	2000
		Giáo trình nhân trắc học Ecgonomi	Nguyễn Đức Hồng - Nguyễn Hữu Nhân	Đại học Quốc gia Hà nội	2004
		Tâm sinh lí lao động và Ecgonomi	Bộ Y tế, Viện Y học lao động và Vệ sinh môi trường	NXB Y học	1998
35	Tổng quan Quản trị nhân lực	Giáo trình Quản trị nhân lực (tập 1)	Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		Giáo trình Quản trị nhân lực (tập 2)	Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		Giáo trình Quản trị nguồn nhân lực	Đại học Đà Nẵng	NXB thống kê	2006
		Bài tập Quản trị nhân lực (tập 1)	Nguyễn Thị Hồng	Lao động xã hội	2008

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		Bài tập Quản trị nhân lực (tập 2)	Nguyễn Thị Hồng	Lao động xã hội	2012
36	Nguyên lý tiền lương	Giáo trình Tiền lương - Tiền công	Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2011
		Giáo trình Quản trị nhân lực (tập 2)	Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		Bộ bài tập Tiền lương - Tiền công	Đỗ Thị Tươi	Lao động xã hội	2009
37	Tổ chức bộ máy và phân tích công việc	Giáo trình Quản trị nhân lực (tập 1)	Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		Bài tập Quản trị nhân lực (tập 1)	Nguyễn Thị Hồng	Lao động xã hội	2008
		Tập bài giảng Tổ chức bộ máy và phân tích công việc	Bộ môn Tổ chức – Định mức lao động		2006
		Lý thuyết tổ chức	Nguyễn Hữu Tri	Chính trị quốc gia	2013
		Quản lý doanh nghiệp	Đỗ Văn Phúc	Bách Khoa Hà Nội	2007
38	Tổ chức lao động	Giáo trình Tổ chức lao động	Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2009
		Giáo trình Quản trị nhân lực (tập 1)	Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		Giáo trình Quản trị nhân lực (tập 2)	Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		Mô hình thời gian làm việc linh hoạt và ứng dụng	Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2003
		Giáo trình Tổ chức lao động	Trường đại học Kinh tế quốc dân		2008
		Giáo trình quản lý nhân lực trong doanh nghiệp	Nguyễn Tấn Thịnh	Lao động	2003
39	Định mức lao động	Giáo trình Định mức lao động	Nguyễn Tiệp, Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2007
		Bộ Bài tập Định mức lao động	Lê Thanh Hà, Nguyễn Thị Hồng	Lao động xã hội	2012
		Giáo trình Tổ chức lao động	Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2007
		Giáo trình Quản trị	Lê Thanh Hà	Lao động	2007

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		nhân lực		xã hội	
40	Hoạch định nhân lực	Giáo trình Quản trị nhân lực (tập 1)	Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		Giáo trình Kế hoạch nhân lực	Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2006
		Bài tập Quản trị nhân lực (tập 1)	Nguyễn Thị Hồng	Lao động xã hội	2008
		Bài tập Kế hoạch nhân lực	Đoàn Thị Yến, Đỗ Thị Tươi	Lao động xã hội	2012
41	Tuyển chọn và sử dụng nhân lực	Giáo trình Quản trị nhân lực (tập 1+2)	Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		Giáo trình Quản trị nhân lực	Nguyễn Văn Điềm và Nguyễn Ngọc Quân	Đại học Kinh tế quốc dân	2007
		Tình huống và bài tập thực hành Quản trị nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	Giáo Dục	1999
		Bài tập Quản trị nhân lực (tập 1)	Nguyễn Thị Hồng	Lao động xã hội	2008
		Bài tập Quản trị nhân lực (tập 2)	Nguyễn Thị Hồng	Lao động xã hội	2012
		Arizona State University, Scott Snell	George Bohlander	Cornell University, Managing Human Resources, Thomson	2012
42	Quản trị thực hiện công việc	Bài tập Quản trị nhân lực (tập 1)	Nguyễn Thị Hồng	Lao động xã hội	2008
		Giáo trình Quản trị nhân lực (tập 1)	Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		KPI Các chỉ số đo lường hiệu suất	David Parmenter	Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh	2009
		Thẻ điểm cân bằng (The Banlanced Scorecard) – Biến chiến lược thành hành động	Robert S.Kaplan, David P.Norton	NXB Trẻ	2015

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
43	Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	Giáo trình Tiền lương – Tiền công	Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2011
		Giáo trình Quản trị nhân lực (tập 2)	Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		Bộ Bài tập Tiền lương – Tiền công	Đỗ Thị Tươi	Lao động xã hội	2009
		, Bài tập Quản trị nhân lực (tập 2), NXB Lao động- Xã hội, 2008	Nguyễn Thị Hồng	Lao động xã hội	2008
		Giáo trình Kinh tế Nguồn nhân lực	Trần Xuân Cầu	ĐH Kinh tế Quốc dân	2012
44	Đào tạo nhân lực	Giáo trình Quản trị nhân lực (tập 2)	Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		Bài tập Quản trị nhân lực (tập 2)	Nguyễn Thị Hồng	Lao động xã hội	2008
		Giáo trình Quản trị nhân lực	Nguyễn Văn Diễm và Nguyễn Ngọc Quân	Đại học Kinh tế quốc dân	2007
45	Bảo hộ lao động	Giáo trình Khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao động	Văn Đình Đệ	Khoa học kỹ thuật năm	2007
		Bảo hộ lao động	Nguyễn An Lương	Lao động	2012
		Giáo trình Bảo hộ lao động	Trịnh Khắc Thẩm	Lao động xã hội	2010
		Giáo trình Tổ chức lao động	Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2009
46	Nguyên lý quan hệ lao động	Các nguyên lý quan hệ lao động	Nguyễn Duy Phúc	Lao động xã hội	2012
		Giáo trình Quan hệ lao động	Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2008
47	Quan hệ lao động trong tổ chức	Các nguyên lý quan hệ lao động	Nguyễn Duy Phúc	Lao động xã hội	2012
		Giáo trình Quan hệ lao động	Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2008
48	Quản trị nhân lực trong khu vực công	Quản lý nguồn nhân lực trong khu vực nhà nước, tập 1 & tập 2	Chritian Batal	Chính trị quốc gia	
		Tài liệu bồi dưỡng về Quản lý hành chính	Học viện Hành chính		

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		Nhà nước Phần 1			
		Luật công chức, luật viên chức và các văn bản hướng dẫn			
		Public service labour relations: A comparative overview, Geneva	Gui seppe Casale, Joseph Tenkorang	International Labour Office	2008
		The Management of Public Sector Labour Relations in Western Australia – an Overview	J.Bailey, K.Berger, R.Horstman, R.Fells	Edith Cowan University of Western Australia	
49	Thị trường lao động	Giáo trình Thị trường lao động	Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2007
50	Tiền lương trong khu vực công	Giáo trình Tiền lương Tiền công	Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2011
		Giáo trình Quản trị nhân lực (tập 2)	Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		Bộ Bài tập Tiền lương - Tiền công	Đỗ Thị Tươi	Lao động xã hội	2009
51	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị nhân lực	Tiếng anh chuyên ngành Quản trị Nhân lực	Phan Thị Mai Hương	Lao động xã hội	2012
		Bài tập tiếng Anh chuyên ngành quản trị nhân lực	Lê Anh Tuấn,	Lao động xã hội	2014
52	Quản lý nhà nước về lao động	Giáo trình nguồn nhân lực	Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2005
		Giáo trình Quản lý Nhà nước về DS – KHHGD	Nguyễn Đông Hanh	Hà Nội	2009
		Giáo trình Quản lý Nhà nước về Kinh tế	Nguyễn Hoàng Toàn	Đại học Kinh tế Quốc dân	2008
		Giáo trình Thị trường lao động	Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2007
		Tài liệu bồi dưỡng về quản lý hành chính Nhà	Đinh Văn Mậu	Khoa học và kỹ	2010

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		nước (Chương trình chuyên viên chính), Phần III: Quản lý Nhà nước đối với ngành, khu vực		thuật	
53	Nghị quyết bảo hiểm xã hội	Giáo trình Bảo hiểm xã hội	PGS.TS Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2010
		Luật BHXH 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành			
54	Xã hội học lao động	Bài giảng Xã hội học lao động	Trường Đại học Lao động – Xã hội	Lao động xã hội	2012
		Xã hội học Lao động	Lê Thị Mai, Vũ Đạt	Khoa học xã hội	2009
		Phương pháp nghiên cứu Xã hội học	Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh	Đại học Quốc gia Hà Nội	2011
		Phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội	Nguyễn Xuân Nghĩa	NXB Trẻ	2004
55	Quản trị doanh nghiệp	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Huyền	ĐH Kinh tế quốc dân	2011
		Bài tập thực hành Quản trị Kinh doanh	Nguyễn Ngọc Huyền	ĐH Kinh tế quốc dân	2011
56	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lao động	Trách nhiệm xã hội trong doanh nghiệp	Lê Thanh Hà		2005
		Tập bài giảng “Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lao động”	Hà Duy Hào		2018
57	Tạo động lực lao động	Tạo động lực lao động	Nguyễn Thị Hồng	Lao động xã hội	2018
		Giáo trình Quản trị nhân lực (tập 2)	Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		Bài tập Quản trị nhân lực (tập 2)	Nguyễn Thị Hồng	Lao động xã hội	2012
58	Xây dựng thang bảng lương	Giáo trình Tiền lương Tiền công	Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2010
		Giáo trình Quản trị nhân	Lê Thanh Hà	Lao động	2009

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		lực (tập 1)		xã hội	
		Bộ Bài tập Bài tập Tiền lương Tiền công	Đỗ Thị Tươi	Lao động xã hội	2009
		Giáo trình Quản trị nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	Tổng hợp TP HCM	2011
		Sách Hướng dẫn xây dựng thang bảng lương và quy chế trả lương trong doanh nghiệp	Ngô Xuân Thiện Minh	Lao động xã hội	2011
59	Thanh tra lao động	Luật An toàn - Vệ sinh lao động			
		Luật Bảo hiểm xã hội			
		Luật Lao động			
		Luật Thanh tra			
		Luật xử lý Vi phạm hành chính			
		Hệ thống các văn bản hướng dẫn thực hiện công tác TILD			
		Tài liệu hướng dẫn qui trình thanh tra lao động	USAIDS-BỘ LĐTBXH	Lao động xã hội	2012

12. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

12.1. Chương trình Quản trị nhân lực trình độ đại học, đối tượng tuyển sinh là học sinh đã học xong chương trình PTTH hoặc tương đương. Trong chương trình, các học phần đã được bố trí vào các kỳ theo mối quan hệ giữa các học phần và do vậy phải được thực hiện đúng theo các điều kiện tiên quyết.

12.2. Giờ quy đổi được tính như sau:

1 TC = 15 tiết giảng lý thuyết trên lớp;

= 30 tiết thực hành, thảo luận;

= 60 giờ thực tập tại cơ sở, làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp.

Để thực hiện 1 TC lý thuyết, thực hành, thảo luận, sinh viên cần 30 giờ chuẩn bị.

Để thực hiện 1 tín chỉ lý thuyết (trừ các học phần GDTC, GDQP-AN), cán bộ giảng dạy dành 2 tiết tiếp xúc và đánh giá tự học của SV.

12.3. Mã các học phần

Mã học phần được xây dựng theo quy định chung như sau: Các học phần được mã hoá bằng bộ mã với 09 kí tự ($X_1X_2X_3X_4X_5X_6X_7X_8X_9$). Trong đó:

- $X_1X_2X_3X_4$: Kí hiệu tên học phần. Tên mỗi học phần được viết tắt bằng 04 (bốn) kí tự là chữ cái in hoa tiếng Việt và chữ số (nếu cần)

VD: - MLN1: Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1

- DSMT: Dân số và môi trường

- X_5X_6 : Kí hiệu tên đơn vị quản lý học phần.

TÊN ĐƠN VỊ	MÃ ĐƠN VỊ
Khoa Kế toán	01
Khoa Quản lý nguồn nhân lực	02
Khoa Công tác Xã hội	03
Khoa Bảo hiểm	04
Khoa Quản trị Kinh doanh	05
Khoa Ngoại ngữ	06
Khoa Lý luận Chính trị	07
Khoa Sau đại học	08
Khoa Kỹ thuật chỉnh hình	09
Khoa Luật	10
Bộ môn Toán	11
Khoa Công nghệ thông tin	12
Bộ môn Thống kê	13
Bộ môn GDTC-QP	14

- X_7 : Trình độ đào tạo:

- 1: Trình độ cao học
- 2: Trình độ đại học
- 3: Trình độ cao đẳng
- 4: Trình độ cao học và đại học
- 5: Trình độ đại học và cao đẳng

- X_8 : Số tín chỉ, cụ thể như sau:

- 1: 01 TC; 2: 02 TC; 3: 03 TC; 4: 04 TC.

- X_9 : Loại học phần

- L-Lý thuyết
- T-Thực hành
- H-Hỗn hợp (kết hợp lý thuyết với thực hành, thảo luận)
- K-Khoá luận

VD: Mã học phần: MLN10753H có nghĩa là: Học phần Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1 (MLN1); do khoa Lý luận chính trị quản lý (07); dùng cho trình độ đại học và cao đẳng (5); thời lượng 3 TC (3); Học phần này thuộc loại hỗn hợp (H).

12.4. Giải thích các số trong dấu ngoặc đơn bên cạnh số tín chỉ:

Ví dụ: 2(12,36,60)

- Số thứ nhất (12): số tiết lý thuyết học trên lớp.
- Số thứ hai (36): số tiết thảo luận hoặc thí nghiệm hoặc thực hành
- Số thứ ba (60): số giờ chuẩn bị.

12.5. Giải thích mục “Điều kiện”:

(a): Học phần học trước

Để có thể đăng kí học học phần thuộc cột “Tên học phần” thì sinh viên đã phải học học phần ghi trong cột “Điều kiện” nhưng không nhất thiết phải có kết quả đạt.

(b): Học phần tiên quyết

Để có thể đăng kí học học phần thuộc cột “Tên học phần” thì sinh viên đã phải học học phần ghi trong cột “Điều kiện” và phải có kết quả đạt.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hà Xuân Hùng